

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 802 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 32
(Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 (viết tắt là QHC đô thị Bắc Ninh);

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin (CNTT) tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 134/TTg - KSTT ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số: 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013; 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch xây dựng; 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng số 01:2021/BXD (viết tắt là QCVN 01:2021/BXD);



Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/2/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân công phân cấp quản lý, quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 32 (Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh);

Căn cứ Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Thông báo số 48-TB/BCSĐ ngày 11/12/2024 về các nội dung họp ngày 11/12/2024;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại: Báo cáo thẩm định số 319/BCTĐ-SXD ngày 18/12/2024 về Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 32 (Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh); văn bản số 3375/SXD-QH ngày 30/12/2024 về việc đính chính Báo cáo thẩm định số 319/BCTĐ-SXD ngày 18/12/2024 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Kết luận tại Phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 12 theo Thông báo số 211/TB-UBND ngày 18/12/2024;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1077-TB/TU ngày 25/12/2024 về Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 32 (Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Bắc Ninh); văn bản số 855 -CV/BCSĐ ngày 26/12/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về việc thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 1077-TB/TU ngày 25/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 32 (Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, ranh giới: Khu vực lập QHPK số 32 (Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh) thuộc địa phận thành phố Bắc Ninh và huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, có ranh giới như sau: Phía tây bắc giáp QL.1A và khu dân cư thôn Bái Uyên; Phía đông bắc giáp khu dân cư phường Khắc Niệm; Phía đông nam giáp xã Hiên Vân; Phía tây nam giáp xã Liên Bão.

b) Quy mô quy hoạch:

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 258,86ha (sau khi xác định ranh giới chính xác trên bản đồ đo vẽ địa hình, giảm so với nhiệm vụ quy hoạch khoảng 4,64ha).

- Số lao động dự kiến trong khu quy hoạch khoảng 20.000 người.

2. Mục tiêu, tính chất:

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 và Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hướng tới mục tiêu chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cụ thể hóa chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 134/TTg-KSTT ngày 29/01/2021 về việc bổ sung Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung quốc gia; đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển theo Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh, QHC đô thị Bắc Ninh.

- Tạo cơ sở pháp lý để triển khai các bước hình thành Khu CNTT tập trung của tỉnh đáp ứng các mục tiêu của khu CNTT tập trung theo Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ và Nhiệm vụ QHPK đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

- Thu hút các hoạt động đầu tư vào Khu CNTT tập trung theo Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013; tạo môi trường an ninh, hỗ trợ và hợp tác giữa các khu công nghệ thông tin tập trung; gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu - phát triển, đổi mới công nghệ thông tin với sản xuất, dịch vụ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ thông tin, trở thành một trung tâm phát triển, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin hàng đầu của Quốc gia và Quốc tế.

b) Tính chất:

- Lập quy hoạch phân khu với mục tiêu hình thành và phát triển Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh, tạo hình ảnh xứng tầm với vị trí trong khu vực hành lang QL.1A và QL.18 với tính chất đặc trưng là “*Cửa ngõ Sáng tạo Bắc Ninh*”, ngang tầm quốc gia và quốc tế tương xứng với vị thế Bắc Ninh trong vùng Thủ đô.

- Tổ hợp, tổ chức không gian chức năng, đáp ứng đầy đủ các yếu tố hình thành các phân khu chức của Khu CNTT tập trung theo Điều 7 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của khu quy hoạch, kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật giữa QHPK Khu CNTT tập trung với các cấp quy hoạch, phát triển đô thị, phân bố dân cư, các công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân số, người lao động trong Khu CNTT tập trung với khu vực xung quanh.

3. Phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

3.1. Phân khu chức năng:

Tổ chức phân khu chức năng của Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh phù hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013, gồm 02 nhóm phân khu chính:

a) Nhóm phân khu các chức năng, nhiệm vụ của Khu CNTT bao gồm:

- Khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.
- Khu nghiên cứu- phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm công nghệ thông tin.
- Khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành.
- Khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các hạ tầng kỹ thuật khác.
- Khu trung bày, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và truyền thông;
- Khu hỗn hợp (chức năng khác theo các chức năng của Khu CNTT).

b) Nhóm phân khu cung cấp các dịch vụ cho Khu CNTT bao gồm:

- Khu sinh thái và phục vụ dân sinh.
- Khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng.
- Khu nhà ở phục vụ chuyên gia làm việc trong Khu CNTT
- Khu chức năng khác cung cấp các dịch vụ cho Khu CNTT.

3.2. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

Trên cơ sở phân khu chức năng của Khu CNTT tập trung, dựa vào các yếu tố địa hình, điều kiện đặc thù của khu vực và định hướng phát triển theo các quy hoạch cấp trên, phương án tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu quy hoạch theo một số nguyên tắc, yêu cầu với các yếu tố sau:

- Tổ chức phát triển không gian theo tuyến đường giao thông đối ngoại, các tuyến đường chính trong khu quy hoạch và xung quanh khu quy hoạch.

- Tổ chức, xác định các khu trung tâm, công trình điểm nhấn theo các tuyến giao thông chính, các không gian khu chức năng chủ đạo (lối công viên cây xanh, trung tâm triển lãm, trung tâm tài chính, các khu trung tâm của khu công nghệ....).

- Bố trí khu công viên cây xanh, mặt nước tạo thành lõi trung tâm khu quy hoạch, kết hợp mạng lưới giao thông, tạo hành lang kết nối không gian các khu chức năng chính của Khu CNTT (khu công nghệ viễn thông; khu công nghệ tự động; khu nghiên cứu phát triển; khu dịch vụ thương mại, tài chính, văn phòng, hội chợ triển lãm); vừa tạo hành lang cảnh quan kết nối các khu chức năng của Khu CNTT vừa mang chức năng là “lá phổi xanh” của toàn khu, đảm bảo bán kính phục vụ chung cho khu quy hoạch, trong đó bố trí các vườn cây, khu sinh thái, sân chơi, mặt nước và các khu cảnh quan khác nhau, mang lại sự đa dạng cho không gian chung.

- Bố trí các khu văn phòng, thương mại dịch vụ, tài chính, hội chợ triển lãm xung quanh nhà ga đô thị và tiếp giáp trục đường chính song song QL1A, để tạo không gian kiến trúc cảnh quan gắn với không gian phát triển đô thị dọc tuyến QL1A, từng bước đô thị hóa khu vực xung quanh, tạo khoảng cách ly và chuyển tiếp không gian từ khu vực sản xuất, khu nghiên cứu phát triển của Khu CNTT sang các khu vực phát triển đô thị xung quanh.

- Tổ chức các không gian mở để dễ tiếp cận, kết nối với không gian của phân khu cung cấp các dịch vụ cho Khu CNTT (khu sinh thái và dịch vụ dân sinh, khu nhà ở chuyên gia, khu ngân hàng, tài chính, khu hỗn hợp thương mại, dịch vụ..) và khu công viên cây xanh, thể thao, mặt nước.

- Bố trí các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật, bến bãi đỗ xe, khu xử lý nước thải dùng chung (nếu có) và các tuyến kênh mương thủy lợi, kết hợp tiêu thoát nước, tạo thuận lợi trong việc đấu nối hạ tầng phục vụ chung cho phát triển dân sinh và nông nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực nông thôn, từng bước đô thị hóa theo giai đoạn phát triển.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
	Đất nghiên cứu khu công nghệ thông tin tập trung Bắc Ninh (A+B)		258,86	100,00			
A	Các loại đất ngoài khu công nghệ thông tin		45,61	17,62			
-	Đất giao thông đối ngoại		36,89	14,25			
-	Đất tôn giáo	TG.1	0,90	0,35	40	5	2,00
-	Đất nghĩa địa, cây xanh cách ly	ND.1, CL.1	2,34	0,90	60	1	0,60
-	Đất kênh mương, thủy lợi	K.1-10	5,48	2,12			
B	Đất thuộc khu công nghệ thông tin tập trung		213,25	82,38			
1	Phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ công nghệ thông tin		127,97	60,01			
1,1	Đất khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ CNTT	SP.1-8	91,71	43,01	40	20	8,00
1,2	Đất khu nghiên cứu- phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm CNTT	NC.1	3,76	1,76	40	25	10,00
1,3	Đất khu văn phòng, trụ sở làm việc	VP.1	2,62	1,23	40	15	6,00
1,4	Đất khu triển lãm, hội chợ, trưng bày giới thiệu sản phẩm và truyền thông	TL.1	7,32	3,43	40	15	6,00
1,5	Đất khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật		22,56	10,58			
-	Đất khu hạ tầng kỹ thuật	HT.1-4	11,12		40	9	3,60
-	Đất Khu bãi đỗ xe	P.1 - 6	11,44		40	3	1,20
2	Phân khu cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin		28,26	13,25			
-	Đất khu sinh thái và dv dân sinh	DV.1	3,08	1,44	40	9	3,60
-	Đất khu ngân hàng, tài chính	TC.1	4,25	1,99	40	20	8,00
-	Đất khu nhà ở chuyên gia	OCG.1	6,43	3,02	40	25	10,00
-	Đất khu hỗn hợp (thương mại, dịch vụ..) cung cấp các dịch vụ phục vụ khu CNTT	HH.1-3	14,50	6,80	40	30	12,00
3	Đất Khu cây xanh công viên, mặt nước		26,87	12,60	5	1	0,05
-	Đất Khu cây xanh công	CX.1-12	20,45	9,59			

	<i>viên, thể thao</i>					
-	Đất mặt nước	MN.1-6	6,42	3,01		
4	Đất giao thông		30,15	14,14		

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đấu nối với hạ tầng kỹ thuật của các quy hoạch, dự án liền kề (được cụ thể hoá trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng), bao gồm:

5.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Hệ thống giao thông chính tuân thủ QHC đô thị Bắc Ninh được phê duyệt.

- Khu vực có lợi thế về giao thông đường bộ, gồm tuyến QL.1A và QL.18 (QL.18 mới trùng tuyến Vành đai 4) nằm ở phía Bắc, thuận lợi cho kết nối giao thông của khu quy hoạch với các vùng lân cận.

- Đường sắt: Trong phạm vi nghiên cứu có các tuyến đường sắt đô thị như tuyến đường sắt đô thị vành đai, tuyến đường sắt đô thị kết nối thành phố Bắc Ninh - Tiên Du - Yên Phong, tuyến đường sắt kết nối Tiên Du - Thuận Thành và tuyến đường sắt nội vùng đi dọc theo tuyến QL.1A (Hà Nội - Lạng Sơn).

b) Giao thông trong khu quy hoạch:

Hệ thống giao thông được quy hoạch đồng bộ, kết nối với hệ thống giao thông khu vực lân cận tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh với các cấp đường từ đường phân khu vực, đường khu vực, đường liên khu vực để kết nối với các tuyến tỉnh lộ và quốc lộ, gồm các loại mặt cắt ngang điển hình:

+ Mặt cắt 1-1, lộ giới 42m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x8m (hè đường) + 5m (dải phân cách giữa).

+ Mặt cắt 2-2, lộ giới 62,5m = 2x11,5m (lòng đường chính) + 2x2m (dải phân cách phụ) + 2x7,5m (lòng đường gom) + 2x8m (hè đường) + 5m (dải phân cách giữa).

+ Mặt cắt 3-3, lộ giới 60,5m = 2x11,5m (lòng đường chính) + 2x3m (dải phân cách phụ) + 2x7,5m (lòng đường gom) + 2x6m (hè đường) + 5m (dải phân cách giữa).

+ Mặt cắt 4-4, lộ giới 30m = 18m (lòng đường) + 2x6m (hè đường).

+ Mặt cắt 5-5, lộ giới 25m = 2x7,5m (lòng đường) + 2x3,5m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa).

+ Mặt cắt 6-6, lộ giới 20,5m = 10,5m (lòng đường) + 2x5m (hè đường).

+ Mặt cắt 7-7, lộ giới 43m = 7,5m (lòng đường) + (4,5+1,5)m (hè đường) + 16m kênh giữa + 7,5m (lòng đường) + (4,5+1,5)m (hè đường).

+ Mặt cắt 8-8, lộ giới 56m = 2x11,5m (lòng đường chính) + 2x0,75m (dải phân cách phụ) + 2x7,5m (lòng đường gom) + 2x6m (hè đường) + 5m (dải phân cách giữa).

c) Bãi đỗ xe:

- Bố trí 06 bãi đỗ xe tập trung có tổng diện tích 11,44ha và khu ga đường sắt đô thị theo quy hoạch chung (HTKT.1) có diện tích 5,25ha, đảm bảo bán kính phục vụ.

- Nhu cầu đỗ xe đối với các khu đất xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ, hội chợ triển lãm và các khu đất hỗn hợp sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn tiếp theo, đảm bảo nhu cầu đỗ xe của từng dự án công trình; bố trí xây dựng tầng hầm phục vụ đỗ xe tại từng dự án và một phần nhu cầu công cộng xung quanh.

- Nghiên cứu bổ sung các bãi đỗ xe tại các khu vực đất cây xanh trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng công trình.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch san nền tận dụng tối đa địa hình tự nhiên có hướng dốc về hai phía Bắc và Nam để phân chia thành các lưu vực chính.

- Trong các khu đất quy hoạch giới hạn bằng các tuyến đường giao thông sẽ được chia thành các lưu vực nhỏ để hạn chế khối lượng đào, đắp; tận dụng đất đào hồ để san lấp cho các khu quy hoạch công viên cây xanh.

- Cao độ san nền thấp nhất khoảng +5,00m và cao độ san nền cao nhất khoảng +6,30m, độ dốc san nền trung bình 0,5%.

b) Thoát nước mưa:

- Khu quy hoạch được chia thành các lưu vực thoát nước nhỏ; hoạt động theo chế độ tự chảy, đảm bảo thoát nước nhanh và triệt để.

- Nước mưa được dẫn thu vào hệ thống cống thoát nước trên các tuyến giao thông. Hệ thống thoát nước mưa được đầu nối vào các kênh tiêu được cải tạo, nâng cấp tại khu quy hoạch và thoát nước ra kênh Kim Đồi, sông Cầu (Lưu vực 7: Khu tiêu Kim Đồi), kênh T2 Tân Chi, kênh Tào Khê (Lưu vực 9: Khu tiêu Tân Chi – Hán Quảng).

- Hệ thống thoát nước riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Mạng lưới thoát nước phải đảm bảo khả năng kết nối với mạng lưới cống thoát nước hiện có.

c) Quy hoạch, nắn tuyến kênh mương thủy lợi (kênh tưới N1; kênh tiêu Kim Đồi, T2 Tân Chi) đảm bảo mặt cắt, cao độ, lưu lượng phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, nắn tuyến và hoàn trả một số đoạn tuyến kênh theo hệ thống mặt nước, hồ cảnh quan và các tuyến đường xung quanh khu quy hoạch.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Dự kiến xây dựng nhà máy cấp nước cho khu vực với công suất 7.800m³/ngđ đáp ứng nhu cầu dùng nước của khu.

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp (chung mạng lưới đường ống với hệ thống cấp nước đô thị). Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước có đường kính $D \geq 110$ đặt tại các ngã ba, ngã tư với khoảng cách theo quy định.

5.4. Quy hoạch cấp điện:

- Trong khu quy hoạch có các tuyến đường điện cao áp 110/220 kV, sẽ được cải tạo nâng tuyến, hạ ngầm đảm bảo an toàn lưới điện và mỹ quan đô thị.

- Đề xuất sử dụng nguồn điện trung thế hạ ngầm cấp nguồn từ Trạm biến áp 110kV Tiên Du (hiện có) công suất 63MVA, dự kiến nâng công suất 2x63MVA và trạm 110kV Khắc Niệm (hiện có) công suất 2x40MVA, dự kiến nâng công suất 2x63MVA, đi dọc theo các trục đường giao thông tới các trạm biến áp 22kV của từng khu vực, kết nối với mạng lưới 22kV các khu vực lân cận.

- Trạm biến áp lưới hạ thế: Nâng công suất trạm biến áp hiện trạng, xây dựng các trạm biến áp mới đảm bảo nhu cầu phụ tải của khu quy hoạch, công suất các trạm biến áp theo nhu cầu sử dụng thực tế và dây chuyền công nghệ của các khu đất. Hình thức trạm sử dụng trạm kios hoặc trạm 01 trụ để đảm bảo mỹ quan.

- Hệ thống điện hiện trạng được hạ ngầm, các tuyến mới đi ngầm theo hệ thống đường giao thông.

- Nguồn chiếu sáng được lấy từ các trạm hạ thế xây mới hoặc trạm công cộng trong khu vực. Cấp điện chiếu sáng đi ngầm dọc theo đường giao thông.

- Tổng công suất cấp điện trong khu quy hoạch khoảng 91,2 MVA.

5.5. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Xây dựng các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, có hạ tầng viễn thông (nút chuyển mạch), kết nối với các trạm tại các khu vực lân cận. Nhu cầu sử dụng sẽ được đánh giá cụ thể trong giai đoạn quy hoạch chi tiết hoặc dự án đầu tư theo từng tiểu khu; đầu tư các tuyến ống kỹ thuật và cống bể đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Bố trí quỹ đất xây dựng hệ thống các trạm BTS theo quy hoạch chuyên ngành với bán kính phục vụ trung bình mỗi trạm khoảng 300m, sử dụng trạm BTS thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan Khu CNTT; liên kết các trạm BTS với tổng đài điều khiển (tổng đài Host) bằng các tuyến cáp trực xây dựng dọc các tuyến đường quy hoạch. Từ trạm BTS xây dựng các tuyến cáp trung kế đến các tủ cáp thuê bao, các tuyến cáp trung kế sẽ được xác định cụ thể ở giai đoạn sau.

- Phụ tải thuê bao thông tin liên lạc tính toán là thuê bao hữu tuyến, bao gồm phụ tải điện thoại cố định, thuê bao internet, thuê bao truyền hình, ...

- Tổng số nhu cầu thuê bao của khu quy hoạch khoảng 53.825 thuê bao.

5.6. Quy hoạch thoát nước thải

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải riêng biệt.

- Nước thải của khu quy hoạch được thu gom bằng các đường cống tự chảy có đường kính D300 ÷ D400 mm, kết hợp với các trạm bơm chuyển bậc về trạm xử lý với công suất khoảng $Q_{xlt} = 8100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đặt tại khu đất hạ tầng.

- Chất lượng nước thải phải xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam: QCVN 08: 2008; TCVN 7222 - 2002; QCVN: 14:2008/BTN-MT.

5.7. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn khoảng 26 tấn/ngày đêm.
- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn gồm nhóm các chất có thể thu hồi tái sử dụng, tái chế và nhóm các chất phải xử lý chôn lấp, tiêu hủy theo quy định.
- Giải pháp thu gom: Bố trí các điểm tập kết chất thải rắn tại các khu vực khuôn viên cây xanh, khu vực công cộng, sau đó vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của khu vực.

5.8. Quy hoạch nghĩa trang:

- Sử dụng nghĩa trang tập trung của huyện, thành phố theo quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt.
- Trước mắt, khoanh vùng các nghĩa trang hiện trạng (khu vực thôn Bái Uyên) có nhiều mộ, quy mô lớn, mở rộng ranh giới xung quanh để trồng cây xanh, cải tạo, chỉnh trang theo mô hình công viên nghĩa trang, vườn nghĩa trang đảm bảo khoảng cách ly an toàn với môi trường theo quy chuẩn, tiêu chuẩn;
- Di dời các nghĩa trang hiện trạng thôn Hoài Thượng, xã Liên Bảo và phường Khắc Niệm, các mộ đơn lẻ nằm rải rác về các khu nghĩa trang tập trung của huyện Tiên Du, thành phố Bắc Ninh theo quy hoạch cấp trên đã được duyệt.

6. Quy hoạch không gian xây dựng ngầm:

- Hệ thống không gian ngầm tuân thủ theo QHC đô thị Bắc Ninh đã được duyệt.
- Hệ thống công trình ngầm tập trung chủ yếu trong các ô đất công cộng, hỗn hợp, thương mại dịch vụ, triển lãm và nhóm công trình xây dựng tập trung dọc các tuyến đường trục giao thông chính của khu quy hoạch. Vị trí, ranh giới, quy mô cụ thể của hệ thống các công trình ngầm sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.
- Nhu cầu sử dụng không gian ngầm của các loại công trình khác trong khu vực sẽ được nghiên cứu cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết và thực hiện theo dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc cơ bản đã không chế trong quy hoạch phân khu.

7. Đánh giá môi trường chiến lược, tác động môi trường:

- Thực hiện các bước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quy hoạch gồm:
 - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: Tạo hành lang bảo vệ sông hồ, kênh mương thủy lợi, cấm xả thải không qua xử lý trực tiếp ra môi trường.
 - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí tiếng ồn: Trồng cây xanh cách ly quanh khu vực bến xe, trạm xử lý nước thải, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực sản xuất.
 - Sử dụng đất hợp lý, theo kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.
 - Bảo vệ và hồi phục môi trường sinh thái; giảm thiểu ảnh hưởng tai biến môi trường; thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường.

- Gìn giữ bảo tồn trùng tu các công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, phát huy các văn hóa đặc trưng phi vật thể.

- Các dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật. Kiểm soát và có giải pháp giảm thiểu các tác động khi triển khai xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

- Các giải pháp đề xuất phòng ngừa, giảm thiểu khắc phục môi trường được nghiên cứu đề xuất làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng. Các dự án đầu tư xây dựng khi triển khai xây dựng sẽ thực hiện đánh giá môi trường theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu được ban hành kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt.

- Việc quản lý thực hiện đầu tư xây dựng cần tuân thủ quy hoạch, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và phải tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế, các quy định pháp luật hiện hành. Việc điều chỉnh, thay đổi, bổ sung quy hoạch, quy định quản lý phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

9. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư:

- Ưu tiên đầu tư tuyến đường cấp liên khu vực đi qua khu quy hoạch có mặt cắt ngang từ 42,5m÷62,5m cùng hệ thống hạ tầng giao thông khung của đô thị Bắc Ninh.

- Phối hợp với ngành nông nghiệp nắn chỉnh đoạn Kênh Nam và đầu tư xây dựng tuyến đường hai bên kênh, kết hợp tiêu thoát nước cho khu quy hoạch và kết nối giao thông trong khu vực.

- Di dời các nghĩa trang hiện trạng thôn Hoài Thượng, xã Liên Bảo và phường Khắc Niệm, các mộ đơn lẻ nằm rải rác về các khu nghĩa trang tập trung của huyện Tiên Du, thành phố Bắc Ninh theo quy hoạch cấp trên đã được duyệt.

- Thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang khu nghĩa trang hiện trạng thôn Bái Uyên, xã Liên Bảo; khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo môi trường, làm cơ sở quản lý việc mai táng (cát táng), tạo điều kiện thuận lợi khi thực hiện quy hoạch.

- Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khu CNTT, đáp ứng mục tiêu hình thành Khu CNTT tập trung của tỉnh Bắc Ninh.

b) Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn nhà nước, các nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định Hồ sơ QHPK; rà soát, quản lý chất lượng, đóng dấu thẩm định, bàn giao, lưu trữ Hồ sơ QHPK kèm theo Quyết định phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện QHPK đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; UBND huyện Tiên Du, UBND

thành phố Bắc Ninh và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo các quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Xây dựng chỉ đạo: Trung tâm kiểm định Chất lượng và Kinh tế xây dựng Bắc Ninh chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tiên Du, UBND thành phố Bắc Ninh và UBND các xã, phường: Khắc Niệm, Võ Cường, Liên Bảo, Hiên Vân tổ chức công bố, công khai QHPK chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt; tổ chức cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo QHPK.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Tiên Du, UBND thành phố Bắc Ninh; UBND các xã, phường: Khắc Niệm, Võ Cường; Liên Bảo, Hiên Vân và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TTHU, TT HĐND huyện Tiên Du;
- TTTU, TT HĐND thành phố Bắc Ninh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH, TNMT;
- lưu: XDCEB, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải

